

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 142/2024/DS-ST
Ngày 22-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Thu Thanh
- Bà Trương Thị Hồng Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị T**, sinh năm 1960, địa chỉ: **Số nhà B, Đường V, khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định**. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị M**, sinh năm 1981, địa chỉ: **Số nhà B, Đường L, khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định**. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà **T** trình bày: Bà **M** mượn của bà tổng số tiền 80.000.000 đồng. Cụ thể: Ngày 16/7/2020 âm lịch mượn 20.000.000 đồng, ngày 04/8/2020 âm lịch mượn 20.000.000 đồng, ngày 30/12/2020 âm lịch mượn 10.000.000 đồng, ngày 24/12/2020 mượn 30.000.000 đồng hẹn ngày 24/12/2020 trả. Những lần mượn đều có viết giấy do bà **M** ký tên. Có thỏa thuận miệng trả lãi 30.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng và bà **M** đã trả lãi tháng đầu tiên với số tiền

3.000.000 đồng, việc trả lãi không có giấy tờ gì. Sau đó bà **M** không trả gốc nên hai bên cũng không có thỏa thuận lãi suất. Từ ngày 16/01/2021, bà đã đòi nhiều lần nhưng bà **M** không trả. Nay bà yêu cầu bà **M** trả số tiền 80.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 16/01/2021 đến nay với lãi suất 20%/năm. Bà không đồng ý cho bà **M** trả dần và cho tiền lãi.

- *Tại Bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà **M** trình bày:* Bà có mượn của bà **T** tổng số tiền 80.000.000 đồng theo các giấy mượn tiền và số tiền như bà **T** trình bày là đúng. Số tiền vay ngày 24 hay 27 tháng 12/2020 thì bà không nhớ rõ nhưng không hẹn ngày trả. Việc vay tiền có thỏa thuận lãi 900.000 đồng/10.000.000 đồng/tháng nhưng chỉ nói miệng chứ không có giấy tờ gì. Bà đã trả lãi đều hơn một năm kể từ khi vay, khi trả lãi không có giấy tờ gì. Nay bà **T** đòi thì bà chấp nhận trả 80.000.000 đồng tiền gốc và xin trả dần. Bà không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của bà **T** và xin không trả lãi.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định:* Việc nhận và xử lý đơn khởi kiện chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 191 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, việc tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án là đúng theo qui định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của bà **T**, buộc bà **M** trả cho bà **T** số tiền gốc và tiền lãi. Bà **M** phải chịu án phí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay nên theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú tại **phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định** nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Căn cứ theo các giấy mượn tiền do bà **T** cung cấp và sự thừa nhận của bà **M**, xác định bà **M** đã vay của bà **T** tổng số tiền 80.000.000 đồng. Bà **M** không thừa nhận có hẹn ngày trả nợ tại Giấy mượn tiền ngày 24/12/2020, ngày tháng đã bị sửa chữa, bà **T** cũng không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh thời hạn trả nợ nên không có căn cứ để xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và bà **M** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo nội dung các giấy mượn tiền mà bà **M** đã ký và lời trình bày của các bên thì việc cho vay tiền giữa bà **T**, bà **M** là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và có lãi. Bà **M** không trả tiền khi bà **T** đòi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Bà **T** khởi kiện yêu cầu bà **M** trả tiền là có căn cứ, đúng pháp luật nên yêu cầu này được chấp nhận. Bà **M** xin trả dần nhưng không được bà **T** đồng ý và không phù hợp qui định của pháp luật nên

không được chấp nhận. Vì vậy, buộc bà **M** phải trả cho bà **T** số tiền 80.000.000 đồng.

[3] Về yêu cầu tính lãi của bà **T**: Các bên không thống nhất, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh lãi suất đã thỏa thuận nên không có cơ sở để xác định lãi suất như trình bày của các bên là đúng. Các bên không chứng minh được việc trả tiền lãi và không có tranh chấp gì nên không xem xét về tiền lãi đã trả. Bà **T** không chứng minh được thời điểm đòi nợ từ ngày 16/01/2021 nên không có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu về trả lãi của bà **T**. Bà **M** phải trả lãi từ ngày bà **T** nộp đơn khởi kiện đến nay với lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 10%/năm. Số tiền lãi bà **M** phải trả là: 80.000.000 đồng x 10%/năm x 7 tháng 9 ngày (tính từ ngày nộp đơn khởi kiện 13/9/2023 đến ngày xét xử) = 4.866.000 đồng (đã làm tròn số).

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu được chấp nhận. Bà **M** phải trả cho bà **T** tiền gốc và lãi là 84.866.000 đồng nên phải chịu án phí với mức 5% là 4.243.000 đồng (đã làm tròn số). Bà **T** phải chịu án phí đối với phần yêu cầu trả lãi không được chấp nhận nhưng bà là người cao tuổi nên được miễn.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà **Võ Thị T**. Buộc bà **Huỳnh Thị M** phải trả cho bà **Võ Thị T** số tiền 84.866.000 đồng (**T1** mười bốn triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà **Võ Thị T** về yêu cầu tính lãi từ ngày 16/01/2021 với lãi suất 20%/năm.

3. Về án phí và tiền tạm ứng án phí:

- Bà **Huỳnh Thị M** phải chịu 4.243.000 đồng (Bốn triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà **Võ Thị T** được miễn nộp án phí.

- Khi thụ lý vụ án, bà **Võ Thị T** là người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí nên không xem xét việc trả lại.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hoàng